TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày: 31-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dụ

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Can

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLPT- DS ngày 16/11/2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 37, tổ 21, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

- *Bị đơn:*

Ông Đinh Văn Tr, sinh năm 1959; Trú tại: Xóm Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

Bà Bùi Thị N, sinh năm 1965. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6, Bộ Công an (xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An).Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Đinh Văn Tr, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Bùi Xuân T trình bày:

Ngày 12/5/2016 vợ chồng ông Đinh Văn Tr và bà Bùi Thị N có vay của ông số tiền 340.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 12/5/2016; thỏa thuận lãi xuất bằng ngân hàng, trả lãi hàng tháng, nếu bên vay không trả lãi hàng tháng thì bên cho vay có quyền đòi lại toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay trong tháng bên vay không trả được lãi. Hai bên làm hợp đồng vay tiền có công chứng, ông Tr, bà N ký hợp đồng vay tiền. Kể từ ngày vay tiền12/5/2016 vợ chồng ông Tr, bà N chưa trả tiền gốc và lãi. Ông T khởi kiện yêu cầu ông Tr, bà N trả nợ gốc 340.000.000 đồng, trả lãi theo lãi xuất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tính từ ngày vay tiền 12/5/2016 đến nay.

Bị đơn ông Đinh Văn Tr trình bày:

Tại bản tự khai ngày 03/8/2017, 05/12/2017 ông Đinh Văn Tr khai: Ông biết vợ ông (bà Bùi Thị N) có vay tiền của ông Bùi Xuân T, nhưng ông không được chứng kiến việc hai người trao đổi giao, nhận tiền. Bà N có nói cho ông biết: Ngày 23/12/2014 bà N có vay của ông T 300.000.000 đồng, thời hạn vay từ 3 đến12 tháng, lãi xuất thỏa thuận. Từ tháng 12/2014 đến tháng 01/2016 vợ ông đã trả lãi cho ông T 15.000.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 5%/tháng. Từ tháng 02/2016 đến tháng 05/2016 bà N không trả được lãi 04 tháng nên ông T đã cộng lãi vào nợ gốc thành 340.000.000 đồng. Việc ông ký vào hợp đồng vay tiền ngày 12/5/2016 là do người ở Văn phòng công chứng Đ đến gặp ông tại nơi ông làm việc, lúc đó đang trong giờ làm việc đông khách, ông không đọc và ký ngay; ông chỉ đồng ý trả cho ông Tnợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi là 40.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2017 bà Bùi Thị N khai: Khoảng tháng 4 năm 2015 bà có vay của ông Bùi Xuân T số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (Từ tháng 4/2015 đến tháng 4/2016). Khi vay tiền bà thế chấp cho ông T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có làm thủ tục công chứng. Đến hạn trả nợ bà không có tiền trả cho ông T. Tháng 5/2016 bà khất nợ ông T thêm 01 tháng, bà và ông T thỏa thuận cộng 40.000.000 đồng tiền lãi vào nợ gốc, tổng là 340.000.000 đồng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 340.000.000 đồng gốc theo hợp đồng vay tiền năm 2016 và lãi suất theo quy định của pháp luật, bà đồng ý với yêu cầu của ông T.

Tại bản án số 04/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Xuân T, buộc ông Đinh Văn Tr và bà Bùi Thị N phải trả cho ông Bùi Xuân T tổng số tiền là 383.350.000 đồng (Trong đó 340.000.000 đồng tiền gốc và 43.350.000 đồng tiền lãi)

Ngoài ra bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2017 bị đơn ông Đinh Văn Tr có đơn kháng cáo, nội dung: Tháng 12 năm 2014, bà N (vợ ông) chỉ vay của ông Bùi Xuân T 300.000.000 đồng và đã trả lãi hàng tháng mỗi tháng 15.000.000 đồng trả đến hết tháng 01/2016; từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2016 bà N chưa trả lãi, ông Bùi Xuân T cộng lãi 40.000.000 đồng vào nợ gốc 300.000.000 đồng thành 340.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông phải trả cho ông Bùi Xuân T 340.000.000 đồng tiền gốc, 43.350.000 đồng tiền lãi; tổng cộng 383.350.000 đồng là không đúng.

Ông Đinh Văn Tr gửi kèm đơn kháng cáo là giấy vay tiền đề ngày 24/12/2014, nội dung vợ chồng ông có vay của ông Bùi Xuân T số tiền 300.000.000 đồng. Giấy này có chữ ký của ông (Đinh Văn Tr), vợ ông (bà Bùi Thị N) và con trai ông (Đinh Đức Đ).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Đinh Văn Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác đơn khởi kiện của ông Đinh Văn Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Bùi Xuân T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đinh Văn Tr, bà Bùi Thị N trả tiền. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản) quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hòa Bình, do đó Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 13/10/2017 Tòa án sơ thẩm tuyên án. Ngày 22 tháng 10 năm 2017 ông Đinh Văn Tr kháng cáo. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, được chấp nhận.

Bị đơn bà Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N.

[2]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn Đinh Văn Tr.

Năm 2014, vợ chồng ông chỉ vay ông Bùi Xuân T 300.000.000 đồng nợ gốc, đã trả lãi đến tháng 01 năm 2016, mỗi tháng 15.000.000 đồng; từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2016 chưa trả lãi, ông Bùi Xuân T tính lãi 40.000.000 đồng; tổng cộng vợ chồng ông chỉ nợ gốc và lãi 340.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông phải trả cho ông Bùi Xuân T 340.000.000 đồng tiền gốc, 43.350.000 đồng tiền lãi; tổng cộng 383.350.000 đồng là không đúng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1].Về nợ gốc:

Tại Điều 1 Hợp đồng vay tiền ngày12/5/2016 có ghi: Ông Đinh Văn Tr và vợ là Bùi Thị N có vay của ông Bùi Xuân T số tiền 340.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm tính từ ngày 12/5/2016, lãi suất theo thỏa thuận, trong hợp đồng vay tiền nêu rõ "*Hai bên còn tự nguyện thỏa thuận và cam kết nếu lãi suất hàng tháng mà bên vay không trả đúng thời hạn cho bên cho vay thì bên cho vay có quyền đòi lại toàn bộ số tiền bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi mà bên vay đã vay ngay trong tháng không trả lãi mà không cần có sự thỏa thuận nào khác*".Cùng ngày 12/5/2016, ông Đinh Văn Tr, bà Bùi Thị N ký Giấy cam kết và nhận tiền, nội dung: Ông Đinh Văn Tr, bà Bùi Thị N có vay của ông Bùi Xuân T 340.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm, ông Đinh Văn Tr công nhận: Ông có ký tên trong hợp đồng vay tiền, giấy cam kết và nhận tiền tiền đề ngày 12/5/2016; chữ viết, chữ ký Đinh Văn Tr, Bùi Thị N trong hợp đồng vay tiền và Giấy cam kết và nhận tiền ngày 12/5/2016 là chữ viết, chữ ký trực tiếp của ông và bà N (vợ ông).

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị N thừa nhận vợ chồng bà có nợ của ông Bùi Xuân T số tiền 340.000.000đ đúng như ông T trình bày.

Tại phiên tòa, bị đơn (ông Đinh Văn Tr) chỉ thừa nhận: Ông và bà N (vợ ông) có nợ nguyên đơn 300.000.000 đồng tiền gốc, chứng cứ chứng minh là giấy vay tiền đề ngày 24/12/2014 có chữ ký của ông, vợ ông (bà N), con trai ông (Đinh Đức Đ); giấy này có xác nhận của chính quyền địa phương. Nguyên đơn (Ông Bùi Xuân T) công nhận ông Đinh Văn Tr, bà Bùi Thị N có ký tên trong giấy vay tiền đề ngày 24/12/2014, nhưng lúc đó gia đình ông không có tiền giao cho ông Tr, bà N vay.

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, đặc biệt là Hợp đồng vay tiền ngày12/5/2016, giấy cam kết và nhận tiền ngày12/5/2016, lời khai của bà N đủ căn cứ pháp luật khẳng định: Ngày 12/5/2016 ông Đinh Văn Tr, bà Bùi Thị N có vay của ông Bùi Xuân T số tiền 340.000.000 đồng. Do ông Tr, bà N không trả được tiền lãi hàng tháng cho nguyên đơn theo thỏa thuận, nên ông Bùi Xuân T đã khởi kiện yêu cầu đòi nợ gốc và lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Xuân T, buộc bị đơn ông Đinh Văn Tr, bà Bùi Thị N phải thanh toán cho nguyên đơn Bùi Xuân T nợ gốc 340.000.000 đồng là đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn (Ông Tr) kháng cáo cho rằng chỉ nợ ông Bùi Xuân T 300.000.000 đồng tiền gốc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Tr về nội dung này.

Về tiền lãi:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm,ông Đinh Văn Tr trình bày: Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 01 năm 2016, hàng tháng vợ ông (bà N) đã trả lãi cho ông Bùi Xuân T, mỗi tháng 15.000.000 đồng. Nhưng ông Đinh Văn Tr không có chứng cứ chứng minh việc bà N đã trả lãi cho ông T; trong khi đó ông Bùi Xuân T không thừa nhận có việc bà N đã trả lãi cho ông. Do đó, kháng cáo của ông Đinh Văn Tr về việc đã trả lãi cho ông Bùi Xuân T là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử khôngchấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi của số tiền 340.000.000 đồng, từ ngày vay 12/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/10/2017, theo mức lãi xuất cơ bản 9%/năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do kháng cáo của ông Đinh Văn Tr không được chấp nhận nên ông Tr phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn Tr.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Xuân T, buộc ông Đinh Văn Tr và bà Bùi Thị N phải trả cho ông Bùi Xuân T tổng số tiền là 383.350.000đ (Ba trăm tám mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) Trong đó 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 43.350.000đ (*Bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi.

Ông Đinh Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003965 ngày 24/10/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 31/01/2018.

Nơi nhận:
-*TAND cấp cao tại HN;*
- *VKSND cấp cao tại HN;*
- *VKSND tỉnh HB;*
- *TAND huyện K;*
- *Cục THADS tỉnh HB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dụ